



Bất bình đẳng thu nhập trong chủ nghĩa tư bản – Lý thuyết và thực tiễn

PHAN VĂN PHÚC *

Trường Đại học Cần Thơ

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 21/01/2019 Ngày nhận lại: 25/03/2019 Duyệt đăng: 29/03/2019 Mã phân loại JEL: B14, D63, P16 Từ khóa: Karl Marx; Simon Kuznets; Thomas Piketty; Bất bình đẳng; Phân phối thu nhập; Chủ nghĩa tư bản. Keywords: Karl Marx; Simon Kuznets; Thomas Piketty; Inequality; Income Distribution; Capitalism.	Bài viết phân tích những quan điểm nổi bật về bất bình đẳng và diễn biến xu hướng bất bình đẳng trong chủ nghĩa tư bản. Karl Marx phê phán chủ nghĩa tư bản là một cơ chế không ngừng tạo ra bất bình đẳng dựa trên quyền sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Trái ngược với quan điểm của Marx, Simon Kuznets đưa ra một bức tranh lạc quan cho sự vận động của bất bình đẳng: Các nước phát triển sẽ có mức bất bình đẳng giảm dần. Tuy nhiên, số liệu thống kê không ủng hộ quan điểm này. Theo Thomas Piketty, bất bình đẳng có xu hướng tăng do có sự chênh lệch giữa gia tăng thu nhập của tư bản so với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân. Giải pháp chủ yếu để giảm bất bình đẳng là sự can thiệp có hiệu quả của nhà nước vào quá trình phân phối và cải thiện các chính sách an sinh xã hội. Thực trạng thu nhập của các nước tư bản phát triển đã cho thấy bức tranh đa chiều về bất bình đẳng. Điều này có thể lý giải từ sự gia tăng vai trò của nhà nước với tư cách là người điều phối thu nhập. Abstract This paper aims to analyze the salient economic perspectives of inequality and the evolution of inequality in capitalism. This study's methodology is based mainly on historical approach, comparative analysis and descriptive statistics. Concerning with theory, the article shows the differences among Karl Marx, Simon Kuznets and Thomas Piketty on inequality. Karl Marx argues that capitalism is a mechanism of constantly creating inequality in relation to the private capitalist ownership. In contrast, Simon Kuznets draws an optimistic picture for the movement of inequality - developed countries will gradually reduce

* Tác giả liên hệ.

Email: pvphuc@ctu.edu.vn.

Trích dẫn bài viết: Phan Văn Phúc. (2019). Bất bình đẳng thu nhập trong chủ nghĩa tư bản – Lý thuyết và thực tiễn. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh châu Á*, 30(2), 67–84.

inequality. According to Thomas Piketty, income inequality tends to increase due to the capital-based and labor-based income divergence. For empirical perspective, the paper shows a multi-angle picture of inequality due to dissimilarities in statistical data, variables used in estimation and varying research methods.

1. Giới thiệu

Bất bình đẳng là vấn đề đang thu hút sự quan tâm của đông đảo học giả, chính trị gia và các tổ chức xã hội toàn thế giới hiện nay. Đây không chỉ là chủ đề của lĩnh vực kinh tế mà là vấn đề có tính chất đa chiều, trong đó, bất bình đẳng về thu nhập và phân phối của cải được quan tâm hơn cả¹. Kinh tế học hiện đại chỉ ra rằng bất bình đẳng không phải là sự đánh đổi để tăng trưởng; ngược lại, nó là lực cản đối với tăng trưởng và phát triển. Bất bình đẳng quá cao sẽ làm chậm tốc độ tăng trưởng và làm mất tác dụng của tăng trưởng đến giảm nghèo. Vì vậy, đối với các nước đang phát triển, các chính sách giảm nghèo cần phải đặt trong mối quan hệ với bất bình đẳng mới có thể đem lại thành công (Ravallion, 2005; World Bank, 2005).

Karl Marx (1818–1883), một trong những nhà kinh tế có ảnh hưởng (Skousen, 2007) đã phân tích công phu toàn bộ hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa, trong đó có vấn đề bất bình đẳng. Những vấn đề mà Marx nêu ra trong công trình nghiên cứu “Tư bản” tuy đã hơn 150 năm nhưng hiện vẫn còn được tranh luận, điều này cho thấy tầm ảnh hưởng của học thuyết kinh tế chính trị của ông đến kinh tế học chính thống ở các nước tư bản. Có thể nói rằng Marx đã đưa ra những nhận xét bi quan về tương lai của chủ nghĩa tư bản do những mâu thuẫn không ngừng được tích tụ với quy mô và tốc độ ngày càng lớn hơn. Cuối cùng, những mâu thuẫn này sẽ dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản. Trong phạm vi bài viết, tác giả sẽ tóm tắt tư tưởng cốt lõi của Marx về nguyên nhân, thước đo bất bình đẳng và giải pháp cho bất bình đẳng trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trong mối quan hệ so sánh với các tư tưởng của các nhà kinh tế đương đại, tiêu biểu là Simon Kuznets và Thomas Piketty.

Trái ngược với những phân tích bi quan của Marx, Kuznets (1955) đã đưa ra lý thuyết “chữ U ngược” về sự vận động của bất bình đẳng thu nhập và vạch ra tương lai tươi sáng của chủ nghĩa tư bản. Bất bình đẳng sau thời kỳ tăng lên sẽ tự điều chỉnh và giảm bớt dẫn đến một xã hội phát triển hài hòa. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nền kinh tế tư bản không có khả năng tự giảm bớt bất bình đẳng; trái lại, bất bình đẳng dường như đang tăng lên nếu không có sự can thiệp của chính phủ.

Năm 2014, sự ra đời của tác phẩm “Tư bản trong thế kỷ hai mươi mốt” của Thomas Piketty – giáo sư kinh tế ở Đại học Paris 1, đã gây ra ảnh hưởng trong giới học thuật thế giới. Bằng cách tiếp cận logic - lịch sử, Piketty (2014) đã đưa ra một cách giải thích khác về nguyên nhân của bất bình đẳng. Bên cạnh đó, ông cũng đã tận dụng triệt để số liệu thống kê (thứ mà các nhà kinh tế tiền bối khó có thể đạt được) để chứng minh cho lập luận của mình. Piketty đã quan sát sự vận động của bất bình đẳng qua ba thế kỷ XVIII, XIX và XX mà chủ yếu ở các nước: Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật Bản, từ đó, ông đưa ra những góc nhìn khác nhau về bất bình đẳng. Piketty (2014) cho rằng bất bình đẳng thu nhập ít gay gắt hơn bất bình đẳng tài sản.

¹ Đây cũng là phạm vi mà bài viết phân tích.

Mục tiêu của bài viết nhằm làm rõ ba quan điểm khác nhau về bất bình đẳng của Karl Marx, Simon Kuznets và Thomas Piketty. Các quan điểm này đã có những ảnh hưởng khác nhau đến kinh tế học đương đại, cũng như những chính sách của chính phủ các nước đối với bất bình đẳng. Đồng thời, bài viết cũng lược khảo những hướng nghiên cứu chính về bất bình đẳng và diễn biến chủ yếu của bất bình đẳng ở một số quốc gia phát triển tiêu biểu và ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, tác giả đưa ra những nhận định về xu hướng vận động của bất bình đẳng và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo về bất bình đẳng.

Sau phần giới thiệu, bài báo được cấu trúc gồm năm phần: Phần 2, 3, 4 lần lượt trình bày lý luận của Karl Marx: Bất bình đẳng bắt nguồn từ quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, lập luận của Kuznets về bất bình đẳng: Sự tự điều chỉnh của thị trường, lập luận của Thomas Piketty với “*Tư bản trong thế kỷ hai mươi mốt*”; phần 5 lược khảo một số xu hướng nghiên cứu về bất bình đẳng xung quanh các trào lưu lớn của Marx, Kuznets và Piketty; cuối cùng là phần 6, kết luận và liên hệ với trường hợp của Việt Nam.

2. Lý luận của Karl Marx: Bất bình đẳng bắt nguồn từ quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất

Trước tác phẩm *Tư bản* (quyển thứ nhất được in năm 1867), Marx và Engels đã xuất bản *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* (năm 1848) với tư tưởng chính là xóa bỏ quyền tư hữu về tư liệu sản xuất – nguyên nhân gây ra đau khổ và bất công trong xã hội (Marx & Engels, 1969). Quyền sở hữu tư nhân đã cho phép những người nắm giữ tư liệu sản xuất có quyền chiếm đoạt giá trị thặng dư – biểu hiện ra bên ngoài bằng những hình thức khác nhau như: Lợi nhuận, lợi tức, địa tô do lao động làm thuê tạo ra. Song hành với sự chiếm đoạt này là quá trình lớn lên nhanh chóng của tư bản từ việc tư bản hóa giá trị thặng dư. Bất bình đẳng tăng nhanh cùng với quá trình tích lũy không có giới hạn của tư bản. Đó cũng là nguyên nhân gây ra khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa – khủng hoảng giữa sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa; giữa lao động với tư bản; giữa cầu và cung; giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản. Marx cho rằng những bất công không ngừng được tích lũy trong nền kinh tế tư bản tất yếu sẽ dẫn đến sự sụp đổ (Phan, 2010).

Để chỉ mức độ bất công trong việc phân chia giá trị mới do lao động tạo ra, Marx đưa ra khái niệm tỷ suất giá trị thặng dư – là tỷ lệ giữa phần thuộc về tư bản (giá trị thặng dư) và phần thuộc về lao động (tư bản khả biến dùng để trả tiền công) theo công thức:

$$\text{Tỷ suất giá trị thặng dư} = \frac{m}{v}$$

Trong đó,

m: Giá trị thặng dư;

v: Tư bản khả biến (tiền công)².

Marx khẳng định rằng: “Tỷ suất giá trị thặng dư là biểu hiện chính xác mức độ tư bản bóc lột sức lao động, hay mức độ nhà tư bản bóc lột người công nhân” (Mác, 1976, tr.405). Đây có thể xem là

² Marx còn hàm ý rằng m là phần lao động thặng dư, v là lao động cần thiết.

công thức đầu tiên dùng để đo lường bất bình đẳng. Tỷ lệ này càng cao cho thấy mức độ bất bình đẳng càng gay gắt.

Để giải quyết tình trạng bất công này, Marx kêu gọi sự đoàn kết của giai cấp công nhân để lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ quyền sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Khi toàn bộ tư bản thuộc quyền quản lý của nhà nước vô sản, phân phối của cải xã hội sẽ chỉ còn dựa trên yếu tố duy nhất là lao động. Đây chính là nền tảng của xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa.

Những phân tích về bất bình đẳng của Marx đã đưa ra một lời cảnh báo cho các nước tư bản. Nếu không có những điều chỉnh kịp thời của chính phủ nhằm giảm bớt mức độ phân hóa thu nhập và tài sản, xã hội tư bản sẽ nhanh chóng rơi vào khủng hoảng và cuối cùng đi đến sụp đổ. Một trong những điểm bổ sung quan trọng cần được phân tích sâu hơn trong học thuyết của chủ nghĩa Marx là sự can thiệp, điều chỉnh của nhà nước tư sản. Chủ nghĩa tư bản hiện đại đã không còn thuần túy là chủ nghĩa tư bản tự do như giữa thế kỷ XIX (thời kỳ mà Marx phân tích), nó đã chuyển sang mô hình hỗn hợp, trong đó “bàn tay hữu hình” của nhà nước tuy không phải là liều thuốc vạn năng nhưng đã trở thành một công cụ hiệu quả thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản. Hệ quả trực tiếp của “bàn tay hữu hình” là mức sống của giai cấp công nhân đã tăng lên nhanh chóng, đặc biệt là từ thế kỷ XX. Đến cuối thế kỷ XX, tình trạng nghèo tuyệt đối đã bị xóa bỏ (như ở Bắc Âu). Một số nước châu Âu bắt đầu thử nghiệm chương trình thu nhập cơ bản³. Các chính sách can thiệp của nhà nước tư sản chính là những yếu tố chống lại quá trình phân hóa xã hội.

Một trong những hạn chế về mặt lịch sử cần phải bổ sung trong việc vận dụng chủ nghĩa Marx là việc sử dụng số liệu thống kê. Trong bối cảnh phân tích kinh tế vào giữa thế kỷ XIX, không ai có thể yêu cầu Marx đưa ra những số liệu chứng minh cho những nhận định của mình. Những phân tích của Marx phần lớn dựa trên những giả định và lập luận định tính. Ngược lại, đa số các số liệu thống kê về thu nhập và tài sản có thể dễ dàng tìm thấy, đặc biệt là ở các nước phát triển từ sau Thế chiến thứ hai⁴. Do vậy, bất kỳ phân tích nào về bất bình đẳng hiện nay cần có những số liệu cụ thể để bảo vệ quan điểm của mình.

3. Lập luận của Kuznets về bất bình đẳng: Sự tự điều chỉnh của thị trường

Trái ngược với lập luận của Karl Marx, đến giữa thế kỷ XX, Kuznets (1955) đã đưa ra một dự báo lạc quan cho tương lai phát triển và phân phối của cải của xã hội tư bản. Một trong những thành ngữ phổ biến lúc bấy giờ là: “Thủy triều lên sẽ đẩy tất cả tàu thuyền” (A Rising Tide Lifts All Boats), điều này hàm ý rằng tăng trưởng kinh tế luôn đem lại lợi ích cho tất cả mọi người. Tư tưởng này cũng được sự ủng hộ của Solow (1956) – nhà kinh tế có ảnh hưởng lớn đến chính sách kinh tế vĩ mô của Mỹ và châu Âu những năm 1960–1970 với lý thuyết tăng trưởng cân bằng.

Dựa vào số liệu về thuế thu nhập của Mỹ giai đoạn 1914–1945, Kuznet (1955) đưa ra lý thuyết bất bình đẳng “hình chuông” về mối tương quan giữa thu nhập bình quân và phân phối: Bất bình đẳng

³ Phần Lan là quốc gia đầu tiên thử nghiệm chương trình này. Mặc dù chương trình không được tiếp tục sau hai năm thử nghiệm (từ tháng 01/2017), nó cũng cho thấy sự gia tăng phúc lợi xã hội của các nước tư bản phát triển. Xem thêm từ <http://www.oecd.org/forum/oecdyearbook/basic-income-an-answer-to-social-security-problems.htm>

⁴ Viện Nghiên cứu Phát triển thế giới của Đại học Liên Hiệp Quốc (UNI-WIDER) đã có số liệu về bất bình đẳng thu nhập của hơn 180 quốc gia. Xem thêm từ <https://www.wider.unu.edu/database/world-income-inequality-database-wiid34>

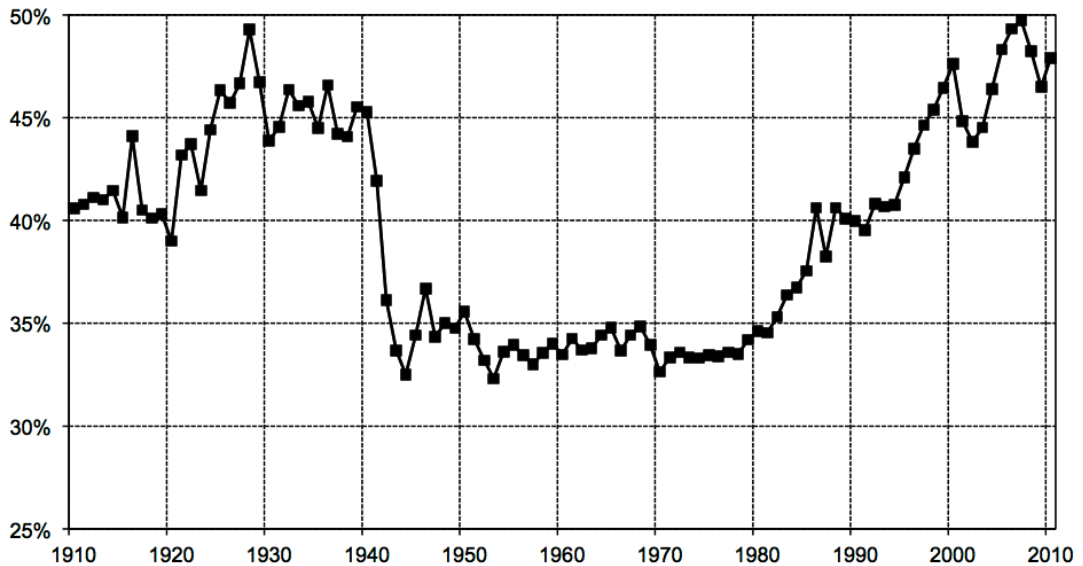
sẽ tăng lên trong thời kỳ công nghiệp hóa nhưng sau đó sẽ giảm không ngừng. Do vậy, các nước đã hoàn thành công nghiệp hóa không cần quá lo lắng về vấn đề phân phối của cải.

Nguyên nhân bất bình đẳng tăng lên trong giai đoạn công nghiệp hóa là do sự mất cân xứng về năng suất lao động giữa hai khu vực thành thị và nông thôn. Trong khi năng suất lao động của khu vực thành thị không ngừng tăng thì nó lại giữ nguyên ở nông thôn do sự dịch chuyển lao động có tay nghề từ nông thôn ra thành thị. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa tiếp tục thu hút lực lượng lao động nông thôn nên đến một thời điểm nhất định, sự thiếu hụt lao động nông thôn sẽ làm tăng tiền lương và thu nhập. Đó chính là nguyên nhân làm giảm sự chênh lệch thu nhập giữa hai khu vực và trong toàn bộ nền sản xuất (Kuznets, 1955).

Lý thuyết về bất bình đẳng của Kuznets đã không dựa trên yếu tố lịch sử bình thường của chủ nghĩa tư bản. Do hạn chế về số liệu thống kê mà ông chỉ quan sát được diễn biến thu nhập chủ yếu là của Mỹ trong thời kỳ giữa hai thế chiến. Chiến tranh có thể là một yếu tố tác động rất lớn và bất thường đến thu nhập (Piketty, 2014). Do vậy, việc sử dụng số liệu này để khái quát hóa thành quy luật phân phối của các nền kinh tế tư bản là một sai lầm của Kuznets. Đã có rất nhiều học giả chỉ ra rằng bất bình đẳng không những không giảm mà còn tăng lên ngay cả ở các nước phát triển và đang phát triển từ sau Thế chiến thứ hai đến nay (Anand & Kanbur, 1993a, 1993b). Một số học giả ủng hộ lý thuyết của Kuznets như: Ahluwalia (1976), Barro (2000) cũng không thể dự đoán được mức điểm cực đại của bất bình đẳng cho các nước đang trong quá trình công nghiệp hóa. Chính vì vậy, bất bình đẳng không thể tự nó điều chỉnh được mà trái lại cần phải có những hành động từ phía chính phủ các nước.

4. Thomas Piketty với “Tư bản trong thế kỷ hai mươi mốt”

Piketty đánh giá cao phân tích của Marx về bất bình đẳng mặc dù ông không hoàn toàn ủng hộ lập luận của Marx. Đồng thời, ông khẳng định không có cơ sở để ủng hộ quan điểm của Kuznets về xu hướng giảm dần của bất bình đẳng. Số liệu thống kê về thu nhập và tài sản của các nước trong thời kỳ dài đã được khai thác triệt để trong ấn phẩm “Tư bản trong thế kỷ hai mươi mốt”. Piketty (2014) cho rằng bất bình đẳng đang có xu hướng tăng lên trên toàn thế giới. Số liệu thống kê từ Mỹ và các nước phát triển cho thấy: 10% dân số có thu nhập cao nhất chiếm khoảng 40% tổng thu nhập quốc dân. Ở Mỹ, tỷ lệ này là 40–50% trong giai đoạn 1910–1945, giảm xuống còn 30–35% trong những thập niên 1950–1980. Sau đó, nó vượt quá 40% và đang có xu hướng tăng nhanh trong những năm đầu thế kỷ XXI (Hình 1). Xu hướng tương tự cũng đang diễn ra ở Anh, Pháp, Đức và Nhật mặc dù tỷ lệ không cao như ở Mỹ.



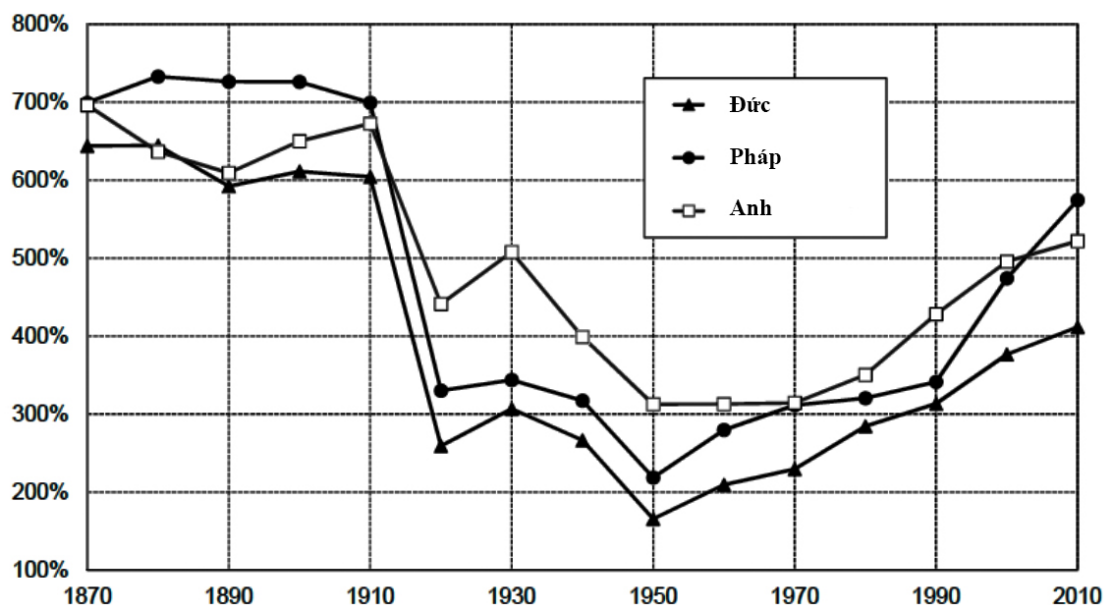
Hình 1. Tỷ trọng thu nhập của 10% dân số giàu nhất trong tổng thu nhập quốc dân ở Mỹ giai đoạn 1910–2010

Nguồn: Piketty (2014, tr.23).

Piketty (2014) giải thích sự vận động của bất bình đẳng qua hai chỉ số:

- Thứ nhất, r – tốc độ tăng thu nhập dựa trên tư bản (lợi nhuận, cổ tức, lợi tức, tiền cho thuê tài sản...).
- Thứ hai, g – tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Khi tốc độ tăng thu nhập tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế thì bất bình đẳng sẽ tăng. Ngược lại, bất bình đẳng sẽ giảm khi $r < g$ và không đổi khi hai tốc độ này bằng nhau. Số liệu của Anh, Pháp, Đức cho thấy tỷ lệ tăng thu nhập của tư bản so với tốc độ tăng trưởng kinh tế là từ 6 đến 7 lần vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Tỷ lệ này giảm dần, còn khoảng 2 đến 3 lần trong giai đoạn giữa hai thế chiến, sau đó không ngừng tăng lên từ thập niên 1950 đến nay (Hình 2). Điều này tương ứng với xu hướng vận động của bất bình đẳng đã và đang diễn ra ở các nước.



Hình 2. Tỷ lệ giữa thu nhập của tư bản và thu nhập bình quân giai đoạn 1870–2010.

Nguồn: Piketty (2014, tr.24)

Một trong những nhân tố làm cho bất bình đẳng luôn ở mức cao trước năm 1910 là do sự tập trung tài sản. Ở hầu hết các nước châu Âu thời gian trên, đất đai và tư bản tập trung vào một nhóm nhỏ dân số (10% dân số thu nhập cao nhất). Ngược lại, phần đông còn lại thu nhập chủ yếu dựa vào lao động. Trong bối cảnh lao động trình độ thấp là chủ yếu, sự chênh lệch thu nhập giữa tư bản và lao động ngày càng giãn rộng. Điều này hoàn toàn khác với giai đoạn những thập niên cuối thế kỷ XX. Sự tập trung tài sản có phần giảm; đồng thời, nguồn nhân lực trình độ cao làm gia tăng thu nhập dựa vào lao động. Hiện tượng này cũng thể hiện ở sự hình thành giai cấp trung lưu ở các nước phát triển hiện nay. Piketty ủng hộ quan điểm của Marx khi cho rằng bất bình đẳng sẽ giảm mạnh nếu phân phối thu nhập chỉ dựa vào lao động. Tuy vậy, ông không chủ trương xóa bỏ quyền sở hữu tư nhân như là một giải pháp để làm giảm bất bình đẳng.

Theo Piketty (2014), sự vận động của bất bình đẳng từ giữa thế kỷ XX phụ thuộc nhiều hơn vào chính sách và hành động của các chính phủ. Số liệu thống kê cho thấy thuế chiếm khoảng 10% trong thế kỷ XIX đã tăng lên 30–50% so với tổng thu nhập quốc dân vào đầu thế kỷ XXI. Quốc gia có tỷ lệ thuế/thu nhập quốc dân càng cao thì chỉ số bất bình đẳng càng thấp và ngược lại. Đây là xu hướng làm giảm bất bình đẳng mà không gây ra những tổn hại kinh tế nghiêm trọng như đã từng diễn ra trong lịch sử, đặc biệt là thời kỳ Đại khủng hoảng (1929–1933). Các đối tượng phải đóng thuế là người lao động có thu nhập cao và những nguồn thu nhập từ tư bản. Một khi đã có nguồn thu từ thuế, chính phủ sẽ xây dựng một “nhà nước xã hội” cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục và an sinh tốt hơn. Các chính sách này như là sự đảm bảo cho tầng lớp thu nhập thấp không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống.

Tuy vậy, Piketty cho rằng bất bình đẳng về cơ hội trong tiếp cận với nền giáo dục đại học chất lượng cao, đặc biệt là ở Mỹ, là một trong những nhân tố gia tăng bất bình đẳng hiện nay vì chỉ có tầng lớp thu nhập cao mới có thể chi trả học phí rất đắt đỏ cho các đại học tinh hoa này. Ông đề nghị chính

phủ các nước cần thực hiện tài trợ công cho các trường đại học theo hướng thu học phí dựa trên thu nhập của hộ gia đình và đồng thời cho vay ưu đãi để sinh viên đóng tiền học phí.

Như vậy, Piketty một mặt đã khai thác điểm hợp lý trong lý luận của Marx về bất bình đẳng khi cho rằng tư bản là yếu tố quan trọng nhất gây ra phân hóa thu nhập trong lòng xã hội tư bản. Dựa trên quan điểm này, có thể cho rằng Piketty là người kế thừa những thành tựu của Marx. Mặt khác, ông cũng đã sử dụng các số liệu thống kê để chứng minh cho quan điểm về sự bất tương xứng giữa gia tăng thu nhập của tư bản so với thu nhập của lao động. Sự khác biệt giữa ông và Marx là về vai trò của nhà nước trong việc điều tiết bất bình đẳng. Trong khi Marx chưa thấy được khả năng can thiệp của nhà nước trong hoạt động kinh tế nói chung và điều tiết thu nhập nói riêng thì Piketty dựa trên thực tế hoạt động các nước phát triển cho thấy hiệu quả của bàn tay hữu hình trong việc điều hòa lợi ích giữa các giai cấp; nhờ đó, những mâu thuẫn cơ bản đã được kìm chế và thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các nước tư bản hiện nay.

5. Lược khảo một số xu hướng nghiên cứu về bất bình đẳng xung quanh các trào lưu lớn của Karl Marx, Simon Kuznets và Thomas Piketty

Bất bình đẳng thu hút sự quan tâm của số đông các nhà kinh tế, đặc biệt từ thế kỷ XX. Trong bài viết này, tác giả chia thành ba hướng nghiên cứu chính: (1) Cách tiếp cận và đo lường bất bình đẳng; (2) nghiên cứu thực nghiệm từ số liệu các nước; (3) nghiên cứu bất bình đẳng đa chiều.

- *Thứ nhất*, nghiên cứu đo lường bất bình đẳng thực sự bắt đầu từ công trình nghiên cứu của Lorenz (1905) và Gini (1921). Đây là những nghiên cứu cho thấy mức độ bất bình đẳng thu nhập của mẫu điều tra. Cả hai nghiên cứu này được tiến hành độc lập nhưng lại có cùng một ý tưởng: So sánh mức độ chênh lệch thu nhập giữa các cá nhân của mẫu nghiên cứu. Đường cong Lorenz cho thấy mức độ chênh lệch thu nhập giữa các thành viên trong một cộng đồng, độ cong càng lớn thì mức độ bất bình đẳng càng cao. Tương tự, hệ số Gini dao động trong khoảng 0–100 (điểm phần trăm)⁵; Gini càng lớn cho thấy mức độ bất bình đẳng càng cao. Hệ số Gini được sử dụng như một chỉ số chính thức trong các báo cáo bất bình đẳng của các tổ chức quốc tế cũng như các quốc gia. Ví dụ, Tổng cục Thống kê Việt Nam cũng sử dụng chỉ số này trong Niên giám Thống kê hàng năm.

Bên cạnh hệ số Gini, chỉ số Theil (1967) và Atkinson (1970, 2008) cũng được sử dụng phổ biến. Đặc điểm chung của các nghiên cứu này là đề xuất một phương pháp đo lường bất bình đẳng có tính đến thái độ của xã hội về bất bình đẳng (hệ số kỳ thị bất bình đẳng), do đó, các phương pháp đo lường này sẽ cho các kết quả khác nhau về bất bình đẳng tương ứng với các hệ số kỳ thị bất bình đẳng khác nhau. Tuy vậy, việc xác định hệ số kỳ thị bất bình đẳng lại khác nhau khi phạm vi nghiên cứu khác nhau. Điều này gây khó khăn cho các nhà nghiên cứu và thực thi chính sách trong việc xác định chính xác mức độ bất bình đẳng của một quốc gia vào một thời điểm cụ thể (Phan, 2016; Phuc 2018).

- *Thứ hai*, hướng nghiên cứu thực nghiệm thể hiện sự đa dạng trong phân tích diễn biến bất bình đẳng như kiểm chứng lý thuyết của Marx, Kuznets và Piketty; tìm kiếm các nguyên nhân và tác động của bất bình đẳng ở các nước. Mayor và Piketty (2015) cho rằng học thuyết của Piketty là sự kế tục của Marx về vấn đề bất bình đẳng khi dựa vào hai yếu tố lao động và tư bản để phân tích. Tuy vậy, lập luận của Piketty cũng chưa thật sự vững chắc. Tốc độ tăng thu nhập của tư bản cần phải trừ đi tốc

⁵ hoặc được đo trong khoảng 0–1.

độ tăng chi phí đầu tư, thuế suất thuế thu nhập trên tài sản, tiêu dùng cá nhân và hoạt động từ thiện. Tỷ lệ phân chia thu nhập giữa tư bản và lao động ở Mỹ là 70/30 và tương đối ổn định trong 50 năm kể từ năm 1960; trong khi đó, chỉ số bất bình đẳng đã tăng lên đáng kể. Do vậy, Mayor và Piketty (2015) cũng chỉ ra rằng phân tích của Piketty cần phải được tiếp tục nghiên cứu, phát triển.

Về diễn biến bất bình đẳng và tăng trưởng, các nghiên cứu hiện tại cho thấy sự không đồng nhất về xu hướng của bất bình đẳng thế giới do việc sử dụng phương pháp đo lường, biến số được đo lường và nguồn số liệu thống kê. Forbes (2000) cho thấy xu hướng tăng lên đồng thời của cả tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng ở các nước đang phát triển trong giai đoạn 1965–1995. Ngược lại, Baro (2000) kiểm chứng lý thuyết Kuznets lại cho thấy không có sự tương quan rõ ràng giữa tăng trưởng và bất bình đẳng. Chỉ số Gini trung bình đã giảm nhẹ từ 43,2 xuống 40,9 trong 40 năm cuối thế kỷ XX trong khi tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người không ngừng tăng lên trong thời gian tương ứng. Do vậy, ông lập luận rằng mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng là phi tuyến tính.

Bourguignon và Morrisson (2002) sử dụng chỉ số Theil để đo lường bất bình đẳng thế giới cho giai đoạn 1820–1992 và cho thấy diễn biến ngược chiều nhau giữa bất bình đẳng bên trong quốc gia và giữa các quốc gia với nhau. Trong khi bất bình đẳng trong từng nước đã giảm mạnh và đóng góp vào nguyên nhân bất bình đẳng thế giới giảm từ 89% còn 40%, tuy nhiên, bất bình đẳng giữa các quốc gia lại tăng lên tương ứng. Tương tự, Chotikapanich và cộng sự (2012) lại cho thấy bất bình đẳng thế giới đã tăng trong 20 năm cuối thế kỷ XX mặc dù đã giảm nhẹ trong giai đoạn 1993–2000.

Việc đánh giá nguyên nhân và tác động của bất bình đẳng cũng không có những đồng thuận. Dựa trên cách tiếp cận số liệu vi mô (Microdata), nhiều tác giả tìm kiếm nguyên nhân bất bình đẳng từ đặc điểm của hộ gia đình và cá nhân như: Nghề nghiệp, tuổi, giới tính, trình độ học vấn, dân tộc, địa bàn cư trú (Bigotta và cộng sự, 2014; Deaton & Dreze, 2002) và các yếu tố bên ngoài như: Tác động từ chính sách kinh tế - xã hội, đầu tư và tự do thương mại (Krugman, 2008; Ravallion, 2007). Ngược lại với quan điểm truyền thống, Ravallion (2001) lập luận rằng bất bình đẳng là yếu tố cản trở tăng trưởng vì nguồn nhân lực trong bộ phận lớn người nghèo không được tận dụng tốt để thúc đẩy tăng trưởng; bất bình đẳng còn gây ra bất ổn kinh tế - xã hội. Do không có sự đánh đổi giữa bất bình đẳng và tăng trưởng kinh tế mà ngược lại, bình đẳng là điều kiện của tăng trưởng nên chính phủ các nước cần phải thực thi chính sách thận trọng hơn để thực hiện tăng trưởng công bằng và bền vững.

- *Thứ ba*, một số tác giả phê phán nghiên cứu bất bình đẳng thu nhập vì nó không phản ánh đúng thực chất bất bình đẳng giữa các cá nhân trong xã hội – đó là bất bình đẳng về chất lượng sống. Sen (1985, 1997, 2003) đề xuất khung lý thuyết “Tiếp cận khả năng”⁶ mà ông cho rằng sẽ có nhiều ưu việt hơn nhờ gạt bỏ yếu tố tâm lý chủ quan. Phân tích bất bình đẳng cần đánh giá toàn diện về thu nhập và các yếu tố quan trọng khác quyết định chất lượng cuộc sống của cá nhân như: Sự thụ hưởng về giáo dục, y tế và các mối quan hệ xã hội. Với hướng nghiên cứu này, bất bình đẳng được tính toán tổng hợp dựa trên nhiều cơ sở khác nhau, khi đó, thu nhập không còn là yếu tố duy nhất để tính toán. Maasoumi (1986) phát triển chỉ số Theil để đo lường bất bình đẳng đa chiều được gọi là chỉ số Maasoumi. Phương pháp này tính toán bất bình đẳng của nhiều biến số để đưa ra dãy kết quả cuối cùng tương ứng với các lựa chọn về hệ số thay thế giữa các mặt khác nhau của bất bình đẳng và thái độ xã hội đối với bất bình đẳng. Tsui (1995) đề xuất phương pháp Gini mới dùng để tính toán bất

⁶ Capability Approach (tác giả tạm dịch là Tiếp cận khả năng).

bình đẳng đa chiều dựa trên các nghiên cứu của Atkinson (1970), Sen (1973) và Kolm (1976a, 1976b). Tuy vậy, các phương pháp này lại đưa ra một tập hợp kết quả mà không thể khẳng định chính xác mức độ bất bình đẳng của một quốc gia, điều này đã gây rất nhiều khó khăn trong việc hoạch định và thực thi chính sách kinh tế (Phan, 2016).

Các học giả khác tìm kiếm phương pháp đo lường có thể đưa ra một kết quả rõ ràng và duy nhất dựa trên phương pháp phân tích yếu tố (Factor Analysis) và phân tích thành tố chính (Principal Component Analysis). Các phương pháp đo lường này có ưu điểm là sử dụng được nhiều thông tin đầu vào đại diện cho nhiều mặt của chất lượng sống để cho thấy diễn biến của bất bình đẳng đa chiều. Chẳng hạn, Phan và O’Brien (2019) sử dụng phương pháp Polychoric-PCA⁷ để chỉ ra bất bình đẳng đa chiều ở Việt Nam đã tăng lên trong thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI mặc dù bất bình đẳng thu nhập tương đối ổn định và ở mức trung bình thế giới.

Như vậy, có thể thấy việc nghiên cứu bất bình đẳng hiện nay rất phong phú, nó không còn giới hạn trong việc đo lường bất bình đẳng thu nhập và sự tương quan giữa tăng trưởng với thu nhập. Mặc dù phân tích bất bình đẳng thu nhập rất quan trọng vì thu nhập là nhân tố ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống, nghiên cứu bất bình đẳng cần phải đánh giá toàn diện các khía cạnh khác nhau ngoài thu nhập và tổng hợp được một kết quả rõ ràng. Mặc khác, nghiên cứu bất bình đẳng cũng nhằm tìm ra các tác động và hậu quả của bất bình đẳng, đặc biệt khi nó đã ở mức quá cao. Từ đó, các kết quả nghiên cứu đưa ra các định hướng và giải pháp nhằm đảm bảo thành quả phát triển được phân phối tối ưu và đảm bảo sự phát triển bền vững.

Bảng 1.

Tổng hợp các nghiên cứu nổi bật về bất bình đẳng

Nghiên cứu	Định hướng nghiên cứu	Kết quả và hạn chế
<i>Phát triển các phương pháp đo lường bất bình đẳng</i>		
Theil (1967)	Phát triển phương pháp đo lường dựa trên phân tích Entropy mở rộng; đề xuất chỉ số Theil.	Kết quả: Các chỉ số Theil và Atkinson được sử dụng rộng rãi để đo lường bất bình đẳng. Hạn chế: Đòi hỏi phải có những nghiên cứu bổ trợ để tìm ra giá trị của tham số biểu hiện thái độ xã hội đối với bất bình đẳng. Các hạn chế này vẫn được giữ nguyên đối với trường hợp xây dựng các chỉ số Theil và Atkinson mở rộng để áp dụng cho việc tính toán bất bình đẳng đa chiều.
Atkinson (1970, 2008)	Phát triển phương pháp Atkinson; xem bất bình đẳng làm giảm phúc lợi xã hội và đề xuất thuật ngữ “tồn thất phúc lợi do bất bình đẳng”.	
Maasoumi (1986)	Mở rộng chỉ số Theil để đo lường bất bình đẳng đa chiều được gọi là chỉ số Maasoumi.	
Tsui (1995)	Đề xuất phương pháp Gini mới dùng để tính toán bất bình đẳng đa chiều dựa trên các nghiên cứu của Atkinson (1970), Sen (1973) và Kolm (1976a, 1976b).	

⁷ Phương pháp phân tích nhân tố chính Polychoric: Đây là phương pháp đã cải tiến nên có nhiều ưu điểm hơn so với phương pháp phân tích nhân tố chính thông thường.

Phân tích diễn biến bất bình đẳng để kiểm chứng các giả thuyết, tìm kiếm nguyên nhân và tác động của bất bình đẳng ở các nước

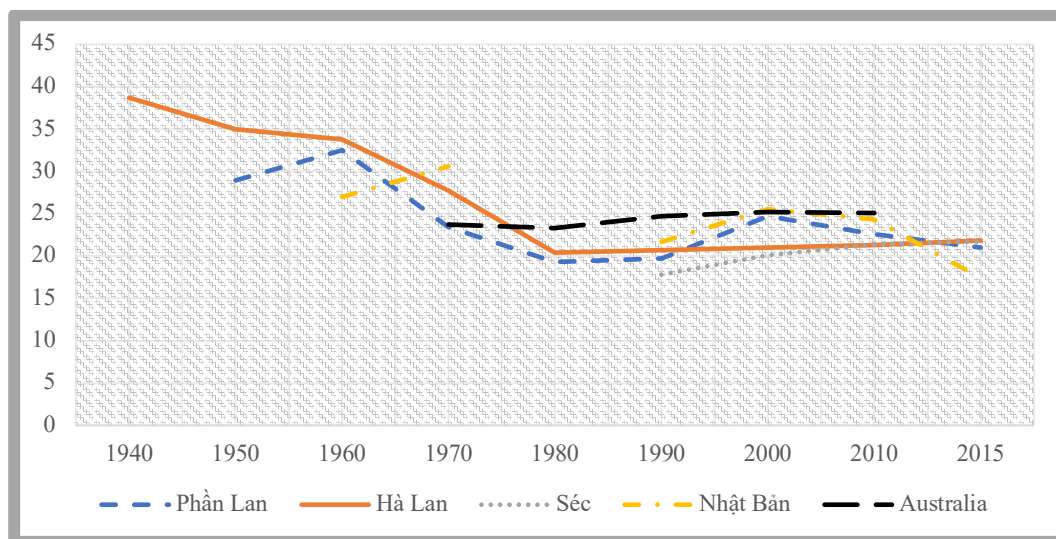
Mayor và Piketty (2015)	Học thuyết của Piketty là sự kế tục của Marx về vấn đề bất bình đẳng.	Lập luận của Piketty cần phải được kiểm chứng tốt hơn vì có nhiều yếu tố chưa được tính trong mô hình của Piketty.
Forbes (2000)	Cho thấy xu hướng tăng lên đồng thời của cả tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng ở các nước đang phát triển.	
Baro (2000)	Không tìm thấy sự tương quan rõ ràng nào giữa tăng trưởng và bất bình đẳng.	
Bourguignon và Morrisson (2002)	Tìm thấy diễn biến ngược chiều nhau giữa bất bình đẳng bên trong quốc gia (Within-Country) và giữa các quốc gia với nhau (Between-Country).	Các nghiên cứu khác nhau sử dụng các số liệu thống kê khác nhau và vào những thời kỳ khác nhau nên cũng có những khó khăn trong việc so sánh giữa các kết quả nghiên cứu. Do vậy, các nghiên cứu này cho thấy những xu hướng khác nhau, thậm chí ngược chiều nhau trong xu hướng vận động của bất bình đẳng.
Chotikapanich và cộng sự (2012)	Cho thấy bất bình đẳng thế giới đã tăng trong 20 năm cuối thế kỷ XX mặc dù đã giảm nhẹ trong giai đoạn 1993–2000.	
Bigotta và cộng sự (2014); Deaton và Dreze (2002); Krugman (2008); Ravalion (2007).	Tìm kiếm nguyên nhân bất bình đẳng từ đặc điểm của hộ gia đình và cá nhân cũng như các yếu tố bên ngoài như tác động từ chính sách kinh tế - xã hội, đầu tư và tự do thương mại.	
<i>Trọng tâm nghiên cứu chuyển từ bất bình đẳng thu nhập sang bất bình đẳng đa chiều</i>		
Sen (1985, 1997, 2003)	Thu nhập không phản ánh đúng chất lượng cuộc sống và sự chênh lệch phúc lợi cá nhân nên cần phải có nghiên cứu toàn diện hơn về bất bình đẳng; đề xuất khung lý thuyết “Tiếp cận khả năng” để phân tích bất bình đẳng và nghèo đa chiều.	
Aristei và Perugini (2010); Aristei và Bracalente (2011); Angelini và	Áp dụng chỉ số Tsui để đánh giá bất bình đẳng đa chiều.	Đóng góp quan trọng nhất của Sen (1985, 1997, 2003) là đã lập một cơ sở lý luận tổng hợp mới vượt qua được những hạn chế của các cách tiếp cận hiện có dựa trên lý thuyết hữu dụng cho việc nghiên cứu bất bình đẳng, nghèo và phúc lợi cá nhân. Lý luận này đồng thời tương thích với những phương pháp đo lường khác nhau miễn nó phản ánh được các mặt khác nhau của chất lượng cuộc sống. Một trong những đặc điểm của phương pháp Maasoumi và Tsui là cho thấy những mức độ bất bình đẳng khác nhau tương ứng với những hệ số khác nhau về thái độ của xã hội đối với bất bình đẳng

Michelangeli (2012);		và tính thay thế giữa các mặt của bất bình đẳng.
Justino (2012); Decancq và Lugo (2012)	Áp dụng chỉ số Maasoumi để đánh giá bất bình đẳng đa chiều.	Tuy nhiên, các nghiên cứu thường đưa ra một loạt các giá trị giả định cho các tham số nên tạo ra những kết quả rất khác nhau và thậm chí ngược chiều nhau về xu hướng bất bình đẳng ở một quốc gia cụ thể. Điều này gây ra rất nhiều khó khăn cho các nhà làm chính sách cũng như học giả nghiên cứu.
Kolenikov và Angeles (2009); Ward (2014); Phan và O'Brien (2019).	Áp dụng phương pháp Polychoric-PCA để phân tích bất bình đẳng đa chiều với nhiều biến số độc lập có tương quan với nhau.	Phương pháp này cho phép tìm ra một kết quả nhất quán và duy nhất khi sử dụng một dữ liệu nghiên cứu cụ thể. Hạn chế: Có thể không chuyển tải được hết tất cả các thông tin ban đầu của các biến số nghiên cứu khi đưa vào quá trình tạo lập các thành phần chính.

6. Diễn biến và xu hướng vận động của bất bình đẳng ở các nước tư bản phát triển hiện nay

Trong mục này, tác giả phân tích chi tiết hơn về diễn biến của bất bình đẳng ở một số nước phát triển không được minh họa từ phân tích của Piketty. Số liệu về bất bình đẳng, chủ yếu là từ Thế chiến thứ hai đến nay được hệ thống hóa và cung cấp bởi UNU-WIDER, phiên bản cập nhật năm 2017 (WIID 3.4). Một số quốc gia được lựa chọn gồm: Phần Lan, Hà Lan, Cộng hòa Séc, Nhật Bản và Australia. Các quốc gia này được xem xét như là một đại diện cho các vùng địa lý - kinh tế và chính trị khác nhau của nhóm nước phát triển nhất hiện nay là Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organisation of Economic Cooperation and Development – OECD).

Bảng dữ liệu bất bình đẳng thế giới (WIID 3.4) tập hợp tư liệu phân tích từ những nguồn khác nhau nên số liệu cho từng năm cũng không thống nhất. Điều này gây khó khăn nhất định cho việc lựa chọn số liệu để phân tích. Ví dụ, có 4 con số khác nhau về đo lường bất bình đẳng của Hà Lan giai đoạn 2005–2012. Ngân hàng Thế giới (World Bank) cho rằng hệ số Gini của thu nhập năm 2005 là 29,9, trong khi đó, số liệu thống kê của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) là 26,9. Do vậy, tác giả sử dụng số liệu phần trăm thu nhập của nhóm 10% dân số có thu nhập cao nhất trong tổng thu nhập quốc dân để cho thấy mức độ bất bình đẳng của các nước.



Hình 3. Tỷ trọng thu nhập của 10% dân số giàu nhất trong tổng thu nhập

Nguồn: UNU-WIDER, WIID 3.4 (2017).

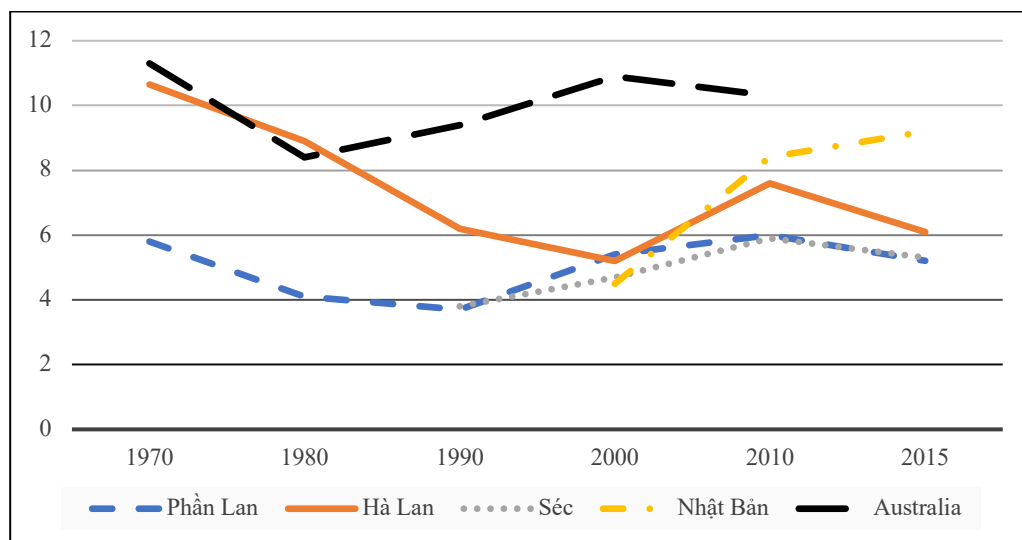
Hiện trạng thu nhập của tầng lớp siêu giàu ở các nước giảm mạnh trong giai đoạn 1940–1987 nhưng đang có xu hướng tăng nhẹ từ những năm 1980 đến nay. Xu hướng này đặc biệt rõ rệt ở Phần Lan, Hà Lan và Nhật Bản. Phần Lan được xem là quốc gia nằm ở khu vực ít bất bình đẳng nhất thế giới (Bắc Âu). Tuy nhiên, tỷ trọng thu nhập của nhóm siêu giàu đã tăng hơn bốn lần trong vòng 60 năm qua. Tương tự, Nhật Bản cũng được xem là nước có mức độ bình đẳng cao, tuy vậy, đại diện cho nhóm nước phát triển ở châu Á cũng cho thấy xu hướng đang tăng nhanh tỷ trọng của dân số giàu nhất, đặc biệt là trong những năm gần đây (Hình 3).

Ngược lại, Cộng hòa Séc và Australia lại cho thấy xu hướng giảm về tỷ trọng thu nhập của nhóm siêu giàu kể từ những năm 1980 (Australia) và 1990 (Cộng hòa Séc) đến nay. Mặc dù vậy, tỷ trọng này đã tăng nhẹ từ hơn 2% đến 2,9% trong giai đoạn 1970–2010 ở Australia. Đối với Cộng hòa Séc, có thể do biến động chính trị từ sự sụp đổ của khối Xã hội Chủ nghĩa Đông Âu đã làm cho mức độ bất bình đẳng cao bất thường vào thập niên 1990–2000, điều này lý giải cho xu hướng giảm dần nhưng vẫn ở mức cao của bất bình đẳng hiện nay.

Hình 4 và 5 cho thấy tỷ trọng thu nhập của 10% dân số giàu nhất trong tổng thu nhập quốc dân và tỷ lệ giữa 10% dân số giàu nhất và nghèo nhất đang có xu hướng giảm dần từ giữa thế kỷ XX đến nay. Thu nhập của nhóm 10% giàu nhất giảm từ khoảng 30% những năm 1950–1960 còn khoảng hơn 20% tổng thu nhập quốc dân vào năm 2015. Cộng hòa Séc và Australia lại cho thấy xu hướng tăng nhẹ và ổn định trong giai đoạn 1970 đến nay (Hình 4). Hình 5 cũng chỉ ra sự vận động tương tự của chỉ số so sánh thu nhập của 20% dân số giàu nhất và 20% dân số nghèo nhất. Tỷ lệ này đã giảm đáng kể, từ khoảng 8–10 lần năm 1950 còn 3–5 lần năm 2015.

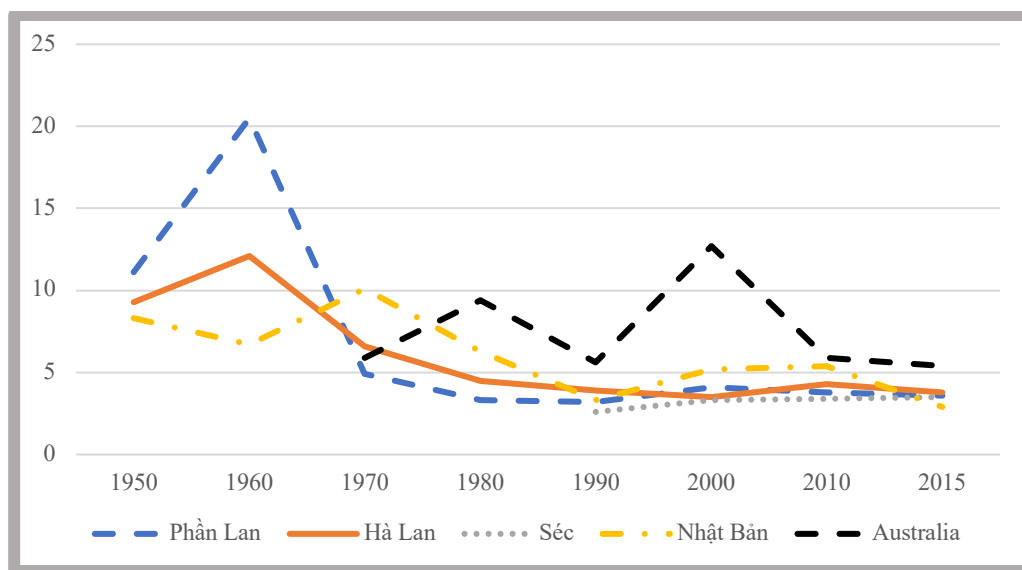
Diễn biến bất bình đẳng như vừa phân tích đã cho thấy sự vận động phức tạp và tính chất đa chiều của nó trong giai đoạn hiện nay. Tính đa dạng này có thể là kết quả từ sự tác động của yếu tố chính trị đến phân phối thu nhập. Nhìn chung, các nước tư bản phát triển đã nhận thức rõ tác động của việc ổn định mức độ bất bình đẳng đến phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Tuy vậy, các chính sách can thiệp này dường như không ảnh hưởng đến nhóm siêu giàu khi khối tài sản của họ

ngày càng tăng lên tương đối so với phần dân số còn lại. Điều này ủng hộ quan điểm của Karl Marx về bản chất và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản: Sự can thiệp của chính phủ chỉ có tác dụng nhất định chứ không thể làm thay đổi bản chất của nó.



Hình 4. Tỷ lệ thu nhập của 10% dân số giàu nhất/nghèo nhất

Nguồn: UNU-WIDER, WIID 3.4 (2017).



Hình 5. Tỷ lệ thu nhập của 20% dân số giàu nhất/nghèo nhất

Nguồn: UNU-WIDER, WIID 3.4 (2017).

7. Kết luận và liên hệ với trường hợp của Việt Nam

Bài viết đã khảo sát ba quan điểm tiêu biểu về bất bình đẳng thu nhập. Mặc dù đưa ra nhận định bi quan về tương lai của chủ nghĩa tư bản, những phân tích kinh tế chính trị của Marx như là một lời cảnh báo về xu hướng tăng lên không ngừng của bất bình đẳng. Những phân tích của Marx đã gây ra ảnh hưởng đến các nhà kinh tế đương đại khi ngày càng có nhiều sự lo ngại về bất bình đẳng đang tăng lên hiện nay. Mặc dù còn hạn chế về số liệu và chưa thấy được vai trò điều tiết của nhà nước, những cảnh báo mà Marx đưa ra (như: Sự sụp đổ tất yếu của chủ nghĩa tư bản do quá trình tích lũy vô hạn của tư bản, đồng thời cũng là cơ chế tích lũy những bất công trong xã hội) là hoàn toàn có cơ sở và đáng được đề cao.

Tư tưởng này đã được Piketty (2014) phân tích với góc độ mới: Sự gia tăng của thu nhập từ tư bản so với gia tăng thu nhập bình quân (và thu nhập từ lao động). Rõ ràng, thu nhập từ tài sản là nguyên nhân cốt lõi của bất bình đẳng ở các nước phát triển. Tuy vậy, cũng có một số nguyên nhân chống lại sự gia tăng bất bình đẳng. Thu nhập từ lao động tay nghề cao đã làm tăng đáng kể thu nhập dựa trên lao động. Sự hình thành giai cấp trung lưu là điển hình cho xu hướng này. Mặc khác, chính phủ các nước đã và đang có những hành động để điều tiết thu nhập như: Thuế thu nhập, các chính sách an sinh xã hội. Chính sự can thiệp của chính phủ kìm hãm sự gia tăng của bất bình đẳng ở nhiều quốc gia.

Đối với Việt Nam, một nước đang phát triển có thu nhập trung bình - thấp, bất bình đẳng thu nhập dường như không đổi và ở mức vừa phải trong giai đoạn 2002–2014 (Benjamin và cộng sự, 2017). Hệ số Gini tính trên thu nhập và chi tiêu vào năm 2014 lần lượt là 36,0 và 33,6. Kết quả tích cực về giảm nghèo và sự dịch chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị là nguyên nhân chủ yếu của thành tựu này. Tuy vậy, World Bank (2012) cho rằng vấn đề của Việt Nam không đơn giản là ở bất bình đẳng thu nhập mà là bất bình đẳng phi thu nhập (cơ hội thụ hưởng dịch vụ giáo dục và y tế công) vẫn không đổi trong những năm đầu thế kỷ XXI và đang có chiều hướng tăng lên. Những khía cạnh này trong tương lai sẽ tác động đến bất bình đẳng thu nhập, đặc biệt là giữa hai khu vực thành thị và nông thôn. Điều này đòi hỏi phải có những nghiên cứu toàn diện hơn nữa để cho thấy một bức tranh tổng thể về bất bình đẳng. Để tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng nhưng giữ được bất bình đẳng ở mức vừa phải thì cần có sự điều tiết có hiệu quả của Nhà nước. Như Piketty đã phân tích, việc giảm bất bình đẳng cơ hội trong tiếp cận với giáo dục là chìa khóa để giảm bất bình đẳng thu nhập trong thế kỷ XXI. Việc cải cách và tự chủ giáo dục đại học của Việt Nam đang là một thách thức lớn trong khi chất lượng giáo dục không có những bước tiến rõ rệt thì chi phí học tập ngày càng trở nên đắt đỏ – đây là một gánh nặng cho những người thu nhập thấp. Do vậy, việc cải cách tài chính trong giáo dục cần có những tính toán phù hợp nhằm tạo ra cơ hội cho tất cả mọi người. Đây có thể là một chủ đề cần nghiên cứu tiếp theo về vấn đề bất bình đẳng ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở phân tích của bài viết này, tác giả đề xuất một số hướng nghiên cứu tiếp theo như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu bất bình đẳng có thể khai thác hướng tiếp cận đa chiều dựa trên khung lý thuyết đề xuất của Sen (1985) vì thu nhập không phản ánh được tổng thể về chất lượng sống của cá nhân và cộng đồng. Nghiên cứu bất bình đẳng đa chiều sẽ cung cấp thông tin đầy đủ hơn trong việc hoạch định chính sách kinh tế - xã hội.

Thứ hai, nghiên cứu bất bình đẳng có thể tìm kiếm số liệu thống kê để tiếp tục kiểm chứng những giả thuyết của Marx, Kuznets và Piketty trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản hiện đại đã có những điều chỉnh và nhiều biến đổi cùng với những biến động mạnh mẽ và nhanh chóng của kinh tế thế giới.

Thứ ba, nghiên cứu bất bình đẳng có thể tìm kiếm nguyên nhân, tác động và những gợi ý chính sách trong điều kiện cụ thể. Chẳng hạn, nghiên cứu mối tương quan giữa tăng trưởng, bất bình đẳng và nghèo ở Việt Nam, xây dựng các chỉ báo cho bất bình đẳng đa chiều cũng như tìm kiếm các chính sách để phát triển kinh tế gắn liền với công bằng xã hội như định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mặt khác, các nghiên cứu tiếp theo cũng có thể đánh giá tác động của những chính sách giảm nghèo và bất bình đẳng hiện có để làm cơ sở cải thiện hiệu quả của chính sách trong tương lai ■

Tài liệu tham khảo

- Ahluwalia, M. S. (1976). Inequality, poverty and development. *Journal of Development Economics*, 3(4), 307–342.
- Anand, S., & Kanbur, S. M. R. (1993a). The Kuznets process and the inequality - development relationship. *Journal of Development Economics*, 40(1), 25–52.
- Anand, S., & Kanbur, S. M. R. (1993b). Inequality and development: A critique. *Journal of Development Economics*, 41(1), 19–43.
- Angelini, E. C., & Michelangeli, A. (2012). Axiomatic measurement of multidimensional well-being inequality: Some distributional questions. *The Journal of Socio-Economics*, 41(5), 548–557.
- Aristei, D., & Bracalente, B. (2011). Measuring multidimensional inequality and well-being: Methods and an empirical application to Italian. *Statistica (Bologna)*, 71(2), 239–266.
- Aristei, D., & Perugini, C. (2010). Preferences for redistribution and inequality in well-being across Europe. *Journal of Policy Modeling*, 32(2), 176–195.
- Atkinson, A. (1970). On the measurement of inequality. *Journal of Economic Theory*, 2(3), 244–263.
- Atkinson, A. (2008). More on the measurement of inequality. *Journal of Economic Inequality*, 6(3), 277–283.
- Barro, R. (2000). Inequality and growth in a panel of countries. *Journal of Economic Growth*, 5(1), 5–32.
- Benjamin, D., Brandt, L., & McCaig, B. (2017). Growth with equity: Income inequality in Vietnam, 2002–14. *The Journal of Economic Inequality*, 15(1), 25–46.
- Bigotta, M., Krishnakumar, J., & Rani, U. (2014). Further results on the regression-based approach to inequality decomposition with evidence from India. *Empirical Economics*, 48(3), 1233–1266.
- Bourguignon, F., & Morrisson, C. (2002). Inequality among world citizens: 1820–1992. *The American Economic Review*, 92(4), 727–744.
- Chotikapanich, D., Rao, D. S. P., & Tang, K. K. (2007). Estimating income inequality in China using grouped data and the generalized beta distribution. *Review of Income and Wealth*, 53(1), 127–147.
- Deaton, A., & Dreze, J. (2002). Poverty and inequality in India: A re-examination. *Economic and Political Weekly*, 37(36), 3729–3748.

- Decancq, K., & Lugo, M. A. (2012). Inequality of wellbeing: A multidimensional approach. *Economica*, 79(316), 721–746.
- Forbes, K. J. (2000). A reassessment of the relationship between inequality and growth. *American Economic Review*, 90(4), 869–887.
- Gini, C. (1921). Measurement of inequality of incomes. *The Economic Journal*, 31(121), 124–126.
- Justino, P. (2012). Multidimensional welfare distributions: Empirical application to household panel data from Vietnam. *Applied Economics*, 44(26), 3391–3405.
- Kolenikov, S., & Angeles, G. (2009). Socioeconomic status measurement with discrete proxy variables: Is principal component analysis a reliable answer?. *The Review of Income and Wealth*, 55(1), 128–165.
- Kolm, S. C. (1976a). Unequal inequalities. I. *Journal of Economic Theory*, 12, 416–442.
- Kolm, S. C. (1976b). Unequal inequalities. II. *Journal of Economic Theory*, 13, 82–111.
- Krugman, P. (2008). Inequality and Redistribution. In N. Serra & J. E. Stiglitz (Eds.), *The Washington Consensus Reconsidered: Towards a New Global Governance*. Oxford Scholarship Online. doi: 10.1093/acprof:oso/9780199534081.001.0001
- Kuznets, S. (1955). Economic growth and income inequality. *The American Economic Review*, 45(1), 1–28.
- Lorenz, M. O. (1905). Methods of measuring the concentration of wealth. *Publications of the American Statistical Association*, 9(70), 209–219.
- Mác, C. (1976). *Tư bản, Quyền thứ nhất: Quá trình sản xuất của tư bản, tập 1*. Hà Nội: NXB Sự thật.
- Marx, K., & Engels, F. (1969). *Karl Marx and Frederick Engels: Selected Works* (Vol. 1). Moscow: Progress Publishers.
- Maasoumi, E. (1986). The measurement and decomposition of multi-dimensional inequality. *Econometrica*, 54(4), 991–997.
- Mayor, T. H., & Piketty, T. (2015). Income inequality: Piketty and the neo-Marxist revival. *Cato Journal*, 35(1), 95–116.
- Phan, V. P. (2016). *An investigation of the measurement of inequality and the causal effects of the pro-poor National Targeted Programs on inequality in Vietnam*. Doctor of Philosophy Thesis, University of Wollongong. Retrieved from <https://ro.uow.edu.au/theses/4890>
- Phan, V. P. (2010). Khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay - Nhìn từ học thuyết kinh tế của Các Mác. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 14, 1–7.
- Phan, V. P., & O'brien, M. (2019). Multidimensional wellbeing inequality in a developing country: A case study of Vietnam. *Social Indicators Research*. doi: 10.1007/s11205-019-02104-0
- Piketty, T. (2014). *Capital in the Twenty-first Century*. Massachusetts: Harvard University Press.
- Phuc, P. V. (2018). The living standard inequality in Vietnam: A statistical analysis. *Can Tho University Journal of Science*, 54(8), 37–44.
- Ravallion, M. (2001). Growth, inequality and poverty: Looking beyond averages. *World Development*, 29(11), 1803–1815.

- Ravallion, M. (2005). A poverty-inequality trade off?. *Journal of Economic Inequality*, 3(2), 169–181.
- Ravallion, M. (2007). Geographic inequity in a decentralized anti-poverty program: A case study of China. *World Bank Policy Research Working Paper No. 4303*. Washington, DC: World Bank.
- Sen, A. (1973). *On Economic Inequality*. Oxford: Clarendon Press.
- Sen, A. (1985). *Commodities and Capabilities*. North-Holland: Oxford University Press.
- Sen, A. (1997). From income inequality to economic inequality. *Southern Economic Journal*, 64(2), 383–401.
- Sen, A. (2003). *Inequality Reexamined*. Oxford Scholarship Online. doi: 10.1093/0198289286.001.0001
- Solow, R. (1956). A contribution to the theory of economic growth. *The Quarterly Journal of Economics*, 70(1), 65–94.
- Skousen, M. (2007). *The Big Three in Economics: Adam Smith, Karl Marx, and John Maynard Keynes*. New York: M.E.Sharpe.
- Theil, H. (1967). *Economics and Information Theory*. Amsterdam: North Holland Publishing.
- Tsui, K.–Y. (1995). multidimensional generalizations of the relative and absolute inequality indices: The Atkinson-Kolm-Sen approach. *Journal of Economic Theory*, 67(1), 251–265.
- UNU-WIDER. (2017). *World Income Inequality Database (WIID3.4)*. Retrieved from <https://www.wider.unu.edu/database/world-income-inequality-database-wiid34>
- Ward, P. (2014). Measuring the Level and Inequality of Wealth: An Application to China. *The Review of Income and Wealth*, 60(4), 613–635.
- World Bank. (2005). *World Development Report 2006: Equity and Development*. Washington, DC: World Bank Group.
- World Bank. (2012). *Well Begun, Not Yet Done: Vietnam's Remarkable Progress on Poverty Reduction and the Emerging Challenges*. Retrieved from <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/12326>